ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2705 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Phổng Lái, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Phổng Lái, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 561/TTr-SXD ngày 26/10/2026, Thông báo kết quả thẩm định số 5850/SXD-QLXD ngày 24/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Phổng Lái, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Phổng Lái, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án:

- Dự án nhóm C;

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III;

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Không nhỏ hơn 50 năm.

3. Mã định danh: 1426119530600.

4. Địa điểm xây dựng: Bản Kiến Xương, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La; diện tích sử dụng đất toàn dự án: Khoảng 6.799,72 m^2.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

6. Chủ đầu tư: UBND xã Bình Thuận; địa chỉ: Bản Kiến Xương, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La.

7. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TH18; địa chỉ: Số 03 ngõ 192, đường Tô Hiệu, tổ 5 phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

8. Mục tiêu dự án: Nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, đạt tiêu chuẩn và từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Dự án được đầu tư nhằm phục vụ tốt công tác giảng dạy, học tập theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học mới; tạo điều kiện nâng cao chất lượng dạy và học cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh trên địa bàn xã Bình Thuận; đồng thời bảo đảm môi trường học tập an toàn, khang trang, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của học sinh. Từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát triển Trường Tiểu học Phổng Lái trở thành trường có cơ sở vật chất được quy hoạch, xây dựng đồng bộ, hiện đại, chất lượng giáo dục cao; duy trì và tiếp tục đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2028.

9. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

9.1. Quy mô đầu tư: Cơ bản phù hợp với chủ trương đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND tỉnh, quy mô xây dựng bao gồm:

- Xây dựng mới 01 nhà lớp học 02 tầng 8 phòng, diện tích xây dựng 415 m^2;

- Các hạng mục phụ trợ: Xây dựng mới nhà vệ sinh, bể chứa nước sinh hoạt, sân, bồn hoa…

9.2. Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật

9.2.1. Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng: Các hạng mục được đầu tư xây dựng trong khu đất hiện trạng của nhà trường, diện tích khoảng 6.799,72 m^2, các hạng mục đầu tư bổ sung bao gồm Nhà lớp học 02 tầng 8 phòng, nhà vệ sinh giáo viên, bể chứa nước… các chỉ tiêu quy hoạch chính bao gồm: Mật độ xây dựng 19,4%, hệ số sử dụng đất 0,31 lần, số tầng cao 02 tầng.

9.2.2. Giải pháp thiết kế hạ tầng kỹ thuật

a) San nền: Dự án được đầu tư xây dựng trong khu đất hiện trạng đã được san nền, xây dựng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật; trước khi xây dựng cần san gạt cục bộ xung quanh vị trí dự kiến xây dựng hạng mục nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, cốt san nền trung bình 755,6m; san nền thiết kế đảm bảo độ dốc theo tiêu chuẩn thiết kế, đảm bảo thoát nước mặt nhanh chóng theo hướng dốc về phía rãnh thu nước xung quanh khuôn viên trường.

b) Cấp điện dự án: Nguồn điện cấp cho dự án được đấu nối từ nguồn cấp hiện trạng đã có, đã được Điện lực Thuận Châu - Quỳnh Nhai thuộc Công ty Điện lực Sơn La cho ý kiến về việc cấp nguồn điện cho dự án tại Công văn số 42/CV-ĐLTCQN ngày 07/10/2026.

c) Hệ thống chiếu sáng ngoài nhà: Sử dụng kết hợp bóng đèn năng lượng mặt trời và bóng đèn cao áp gắn trên sê nô mái, mái sảnh các nhà lớp học, các cột đèn hiện trạng bố trí xung quanh khuôn viên nhà trường.

d) Cấp nước: Được đấu nối từ nguồn cấp nước hiện trạng của nhà trường, đường ống cấp nước đi ngầm dưới nền sân.

đ) Thoát nước ngoài nhà: Nước mưa, nước mặt được thu gom về hệ thống rãnh thoát nước ngoài nhà xung quanh khuôn viên dự án và thoát ra hệ thống thoát nước chung; lưu lượng nước được tính toán, thiết kế đảm bảo theo tiêu chuẩn.

9.3. Các giải pháp thiết kế chủ yếu hạng mục công trình

9.3.1. Xây dựng mới nhà lớp học 02 tầng 8 phòng, diện tích xây dựng 415 m^2, tổng diện tích sàn 812 m^2

- Kiến trúc: Chiều dài nhà 40,8 m, chiều rộng nhà 9,0 m; bước gian chính 4,2 m, gian cầu thang rộng 3,6 m; bước nhịp 6,6 m, hành lang rộng 2,4 m. Cao độ nền nhà cốt ±0,00 cao hơn cốt sân 0,45 m; chiều cao các tầng 3,6 m; cao độ nền nhà đến đỉnh mái 9,7 m; cầu thang bố trí tại vị trí trục (3)-(4) và trục (8)-(9). Tường trong, ngoài lăn sơn 3 nước không bả; hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa khuôn thép định hình, kính dày 5 mm; vách kính khung thép tổ hợp hàn, kính dày 5 mm; lan can cầu thang, hành lang, hoa sắt cửa sổ thép đặc tổ hợp hàn; bậc cầu thang, tam cấp lát đá granite; nền nhà lát gạch ceramic kích thước (60x60) cm;

- Kết cấu: Móng đơn kết hợp móng hợp khối, dầm, cột, sàn, cầu thang, lanh tô bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250). Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 75; trát tường, dầm, trần cột vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm. Mái: Lợp tôn múi màu đỏ dày 0,4 mm/xà gồ thép hình sơn 3 nước chống gỉ/giằng thu hồi bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10 cm/tường xây thu hồi vữa xi măng mác 75, không trát; hè xung quanh nhà đổ bê tông cấp độ bền B12,5

(mác 150) dày 10 cm;

- Cấp điện: Nguồn điện cấp cho nhà được đấu nối từ hệ thống cấp điện hiện có của nhà trường bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC 2x10 mm^2 về tủ điện tổng đặt tại vị trí cầu thang đoạn trục (8)-(9); từ tủ điện tổng phân phối tới các tủ điện tầng, tủ điện phòng và các thiết bị điện; dây dẫn đi chìm tường trong ống gen;

- Thu lôi chống sét: Kim thu sét Φ18, dây dẫn và thu sét mạ kẽm Φ10, cọc tiếp địa thép hình; điện trở bộ phận tiếp địa ≤10Ω;

- Cấp nước: Nguồn nước cấp cho nhà được đấu nối từ hệ thống cấp hiện trạng của nhà trường qua đường ống HDPE Φ25 về bồn nước inox đặt ngoài nhà trên hệ giá đỡ bằng thép hình tổ hợp hàn thông; nước cấp từ bồn nước xuống các khu vệ sinh qua đường ống PPR Φ25;

- Thoát nước mái: Nước mưa được thu từ mái tôn xuống sê nô, mái sảnh và thoát xuống hệ thống rãnh thoát nước quanh nhà thông qua đường ống thoát nước đứng PVC Φ90 và phụ kiện đồng bộ; đường ống đi chìm trong cột;

- Phòng cháy chữa cháy: Hạng mục công trình được thiết kế hệ thống bình cứu hỏa, bảng tiêu lệnh PCCC; giải pháp thiết kế cơ bản đã tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế;

- Bể tự hoại: Số lượng 02 bể, kích thước bể DxRxC tương ứng (2,61x2,61x1,85) m; đáy bể bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 0,15 m; tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 2,5 cm (trát 2 lần); đáy bể láng vữa xi măng mác 75 dày 2 cm, bề mặt quét nước xi măng nguyên chất; tấm đan nắp bể bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 0,1 m.

9.3.2. Các hạng mục phụ trợ

- Nhà vệ sinh: Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng 17,46 m^2

+ Chiều dài nhà 6,42 m; chiều rộng nhà 2,72 m; bước gian 3,2 m; cao độ nền nhà cốt ±0,00 cao hơn cốt sân 0,2 m; chiều cao nhà tính từ cốt ±0,00 đến sàn mái 3,0 m. Móng xây đá hộc, giằng tường bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200). Nền đổ bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm, lát gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30) cm. Dầm, sàn mái đổ bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10 cm, bề mặt sàn mái láng vữa xi măng mác 75 dày 3 cm, ngâm nước xi măng nguyên chất. Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 50 dày 1,5 cm, trát trần vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm; tường trong nhà ốp gạch ceramic kích thước (30x60) cm cao 1,8 m; toàn bộ tường, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 3 nước không bả. Cửa đi, cửa sổ khuôn nhôm kính; lắp đặt hệ thống điện đồng bộ, dây dẫn đi chìm tường trong ống gen. Lắp đặt đường ống cấp thoát nước đi chìm tường, ngầm sàn, thiết bị vệ sinh đồng bộ;

+ Bể tự hoại: Kích thước bể (DxRxC) tương ứng (2x2x1,55) m; đáy móng bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 15 cm; tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 75; trát tường, láng nền vữa xi măng mác 75 dày 2,5 cm (trát 2 lần); nắp bể bằng tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10 cm;

- Bể nước sinh hoạt: Kích thước bể DxRxC tương ứng (7,6x5x2,6) m; đáy,

tường, trần bể bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250), bề mặt tường, đáy bể lăn 3 nước dung dịch chống thấm chuyên dụng kết hợp trát láng vữa xi măng mác 75 dày 2 cm;

- Rãnh thoát nước: Tổng chiều dài 108 m; đáy rãnh bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm; tường rãnh xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm, láng lòng rãnh vữa xi măng mác 75 dày 2 cm; tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 7 cm;

- Hố ga: Số lượng 04 cái; đáy hố ga bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm; tường rãnh xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm, láng lòng rãnh vữa xi măng mác 75 dày 2 cm; tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 7 cm;

- Bồn cây: Số lượng 02 bồn, kích thước (1,5x1,5) m; móng bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm; tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm; bề mặt ốp gạch thẻ màu đỏ;

- Sân lát gạch terrazo: Diện tích 660 m^2, cấu tạo: Gạch terrazo kích thước (40x40) cm/vữa lót mác 25 bù vênh dày trung bình 3 cm/nền sân bê tông hiện trạng;

- Sân bê tông: Diện tích 161 m^2, san gạt cục bộ nền đất, đổ nền sân bằng bê tông xi măng cấp độ bền B12,5 (mác 150) dày 10 cm;

- Phá dỡ một số hạng mục nhà hiện trạng theo chủ trương đầu tư được phê duyệt.

9.3.3. Các hạng mục, chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

10.1. Số bước thiết kế: 01 bước.

10.2. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

10.2.1. Quy chuẩn

- QCVN 12-2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng;

- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 18-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng;

- QCVN 02-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCVN 06-2022/BXD: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 07-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

- QCVN 10-2024/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng;

- QCVN 25-2025/BCT: Quy chuẩn quốc gia về an toàn điện.

10.2.2. Tiêu chuẩn khảo sát, thí nghiệm

- TCXD 112-1984: Hướng dẫn thực hành khảo sát đất xây dựng bằng thiết bị mới *(thiết bị do PNUD đầu tư)* và sử dụng tài liệu thiết kế công trình;

- TCVN 4419-1987: Khảo sát xây dựng-Nguyên tắc cơ bản;

- TCVN 4199-1995: Đất xây dựng-Phương pháp xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng phòng thí nghiệm;

- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung;

- TCVN 9402-2012: Chỉ dẫn kỹ thuật công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng vùng Các-tơ;

- TCVN 9437-2012: Khoan thăm dò địa chất công trình;

- TCVN 2683-2012: Đất xây dựng-Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu đất;

- TCVN 4195-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4196-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định độ ẩm và hút ẩm của đất trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4197-2012: Đất xây dựng- Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4198-2014: Đất xây dựng-Các phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 9351-2012: Đất xây dựng-Phương pháp thí nghiệm hiện trường-Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT;

- TCVN 4200-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định tính nén lún phòng thí nghiệm;

- TCVN 4202-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 9401-2024: Kỹ thuật đo và xử lý số liệu gnss trong trắc địa công trình.

10.2.3. Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 2622-1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình-Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 7435-1-2004: Phòng cháy chữa cháy-bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy -phần 1: Lựa chọn và bố trí;

- Bộ TCVN 7305-2008: Hệ thống ống nhựa-ống Polyetylen (PE) và phụ

tùng dùng để cấp nước;

- TCVN 8053-2009: Tấm lợp dạng sóng- Yêu cầu thiết kế và hướng dẫn lắp đặt;

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- TCVN 4447-2012: Công tác đất-thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

- TCVN 9206-2012: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5928-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;

- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dầy màng sơn khô;

- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ - phần 2 cửa kim loại;

- TCVN 5935-2013 *(IEC 60502-2009)*: Tiêu chuẩn về cáp điện;

- TCVN 11231-2015 *(ISO 5002-2013)*: Thép lá cacbon cán nóng và cán nguội mạ kẽm điện phân chất lượng thương mại và dập vuốt;

- TCVN 4732-2016: Đá ốp, lát đá tự nhiên;

- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 6525-2018: Thép cacbon tấm mỏng chất lượng kết cấu được mạ kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhúng nóng liên tục;

- Tiêu chuẩn 10355-2018: Thép các bon tấm mỏng chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt mạ kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhũng nóng liên tục;

- Bộ tiêu chuẩn TCVN 1651-2018: Thép cốt bê tông;

- TCVN 8793-2021: Trường tiểu học-Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 8794-2021: Trường trung học -Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 2737-2023: Tiêu chuẩn tải trọng và tác động;

- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5573-2025: Thiết kế kết cấu khối xây;

- TCVN 9386-2025: Thiết kế công trình chịu động đất;

- Tiêu chuẩn IEC 60364: Lắp đặt điện trong công trình xây dựng;

- TCVN 13456-2022: Phòng cháy chữa cháy-phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn-yêu cầu thiết kế, lắp đặt;

- TCVN 7026-2025: Chữa cháy-bình chữa cháy xách tay-tính năng và cấu tạo;

- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình xây dựng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCVN 9115-2019: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép-Quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCVN 13608-2023: Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 13606-2023: Cấp nước-mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế;

- TCVN 7957-2023: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 6.500.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	5.346.554.924	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	165.670.608	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	659.602.591	đồng;
- Chi phí khác:	74.551.866	đồng;
- Chi phí dự phòng:	253.620.011	đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách tỉnh.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án thông qua thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Bình Thuận *(chủ đầu tư)*

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; Chịu trách nhiệm toàn diện trước các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu; quản lý, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

- Thực hiện thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đúng quy định của pháp luật về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước về nội dung tham mưu trình Chủ tịch UBND phê duyệt; đồng thời chủ động kiểm tra, rà soát nếu phát hiện sai phạm báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

3. Các Sở, ngành: Phối hợp, hướng dẫn Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định hiện hành; chịu trách nhiệm về quản lý Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của mình đối với các công việc có liên quan đến quá trình thực hiện dự án đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND xã Bình Thuận; Hiệu trưởng Trường Tiểu học Phổng Lái, xã Bình Thuận, Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh, TTPVHCC;
- Chủ đầu tư.
- Lưu: VT, KGVX, Bắc.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Trung Chiến